

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

Ngữ văn

12

TẬP MỘT



NHÀ XUẤT BẢN GIÁO DỤC VIỆT NAM

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

PHAN TRỌNG LUẬN (Tổng Chủ biên) - TRẦN ĐĂNG SUYỀN (Chủ biên phần Văn)
BÙI MINH TOÁN (Chủ biên phần Tiếng Việt) - LÊ A (Chủ biên phần Làm văn)
LÊ NGUYỄN CẢN - ĐẶNG ANH ĐÀO - NGUYỄN THỊ NGÂN HOA
NGUYỄN THÁI HOÀ - ĐỖ KIM HỒI - NGUYỄN XUÂN NAM
ĐOÀN ĐỨC PHƯƠNG - NGUYỄN PHƯỢNG - VŨ DƯƠNG QUỲ

Ngữ văn

12

TẬP MỘT

(Tái bản lần thứ ba)

NHÀ XUẤT BẢN GIÁO DỤC VIỆT NAM

Bản quyền thuộc Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam – Bộ Giáo dục và Đào tạo.

01-2011/CXB/176-1235/GD

Mã số : CH211T1

KHAI QUÁT VĂN HỌC VIỆT NAM TỪ CÁCH MẠNG THÁNG TÁM NĂM 1945 ĐẾN HẾT THẾ KỈ XX

KẾT QUẢ CẦN ĐẠT

- Nắm được một số nét tổng quát về các chặng đường phát triển, những thành tựu chủ yếu và những đặc điểm cơ bản của văn học Việt Nam giai đoạn từ Cách mạng tháng Tám năm 1945 đến năm 1975.
- Thấy được những đổi mới bước đầu của văn học Việt Nam giai đoạn từ năm 1975, đặc biệt là từ năm 1986 đến hết thế kỉ XX.

Cách mạng tháng Tám năm 1945 vĩ đại đã mở ra một kỉ nguyên mới cho dân tộc ta. Từ đây, một nền văn học mới gắn liền với lí tưởng độc lập, tự do và chủ nghĩa xã hội được khai sinh.

Nền văn học mới đã phát triển qua hai giai đoạn : giai đoạn từ năm 1945 đến năm 1975 và giai đoạn từ năm 1975 đến hết thế kỉ XX.

I - KHAI QUÁT VĂN HỌC VIỆT NAM TỪ CÁCH MẠNG THÁNG TÁM NĂM 1945 ĐẾN NĂM 1975

1. Vài nét về hoàn cảnh lịch sử, xã hội, văn hoá

Văn học Việt Nam từ Cách mạng tháng Tám năm 1945 đến năm 1975 là nền văn học của chế độ mới, vận động và phát triển dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản. Đường lối văn nghệ của Đảng là một trong những nhân tố quan trọng tạo nên một nền văn học thống nhất về khuynh hướng tư tưởng, thống nhất về tổ chức và về quan niệm nhà văn kiểu mới : *nhà văn - chiến sĩ*.

Từ năm 1945 đến năm 1975, trên đất nước ta diễn ra nhiều sự kiện lớn lao : cuộc chiến tranh giải phóng dân tộc vô cùng ác liệt kéo dài suốt ba mươi năm, công cuộc xây dựng cuộc sống mới, con người mới ở miền Bắc,... Những sự kiện

đó đã tác động mạnh mẽ, sâu sắc tới toàn bộ đời sống vật chất, tinh thần của dân tộc, trong đó có văn học nghệ thuật. Điều kiện giao lưu văn hoá với nước ngoài không thuận lợi, chỉ giới hạn trong một số nước. Trong hoàn cảnh ấy, văn học giai đoạn từ năm 1945 đến năm 1975 vẫn phát triển và đạt được những thành tựu to lớn.



Trước trụ sở Hội Văn nghệ Việt Nam tại huyện Đại Từ, Thái Nguyên – 1949.
Từ trái qua phải : Ngô Tất Tố, Nguyễn Xuân Sanh, Tố Hữu, Xuân Diệu,
Thế Lữ, Nguyễn Huy Tưởng, Nguyễn Tuân.

Ảnh : Trần Văn Lưu

2. Quá trình phát triển và những thành tựu chủ yếu

a) *Chặng đường từ năm 1945 đến năm 1954*

Chủ đề bao trùm sáng tác văn học trong những ngày đầu đất nước giành được độc lập là ca ngợi Tổ quốc và quần chúng cách mạng, kêu gọi tinh thần đoàn kết toàn dân, cổ vũ phong trào Nam tiến, biểu dương những tấm gương vì nước quên mình. Hình ảnh cả dân tộc đang trỗi dậy, niềm tự hào đến mức say mê trước “cuộc tái sinh màu nhiệm” (Hoài Thanh) của dân tộc biểu hiện trong nhiều tác phẩm : *Dân khí miền Trung* của Hoài Thanh, *Huế tháng Tám*, *Vui bất tuyệt* của Tố Hữu, *Ngọn quốc kì*, *Hội nghị non sông* của Xuân Diệu, *Tình sông núi* của Trần Mai Ninh,...

Từ cuối năm 1946, văn học tập trung phản ánh cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp. Đến với cách mạng và kháng chiến, nhiều văn nghệ sĩ đã thể hiện lòng yêu nước và tinh thần dân tộc. Nhưng những ngày đầu, họ chưa thể “rung động được cái rung động của quần chúng” (Nguyễn Đình Thi). Chính đường lối văn nghệ của Đảng với những chủ trương đúng đắn như “văn hoá hoá kháng chiến, kháng chiến hoá văn hoá”, “cách mạng hoá tư tưởng, quần chúng hoá sinh hoạt”, đưa văn nghệ sĩ thâm nhập đời sống thực tế,... đã góp phần khơi nguồn cảm hứng sáng tạo của nhà văn và tạo nên những thành tựu đặc sắc của văn nghệ kháng chiến.

Văn học gắn bó sâu sắc với đời sống cách mạng và kháng chiến ; hướng tới đại chúng, phản ánh sức mạnh của quần chúng nhân dân ; thể hiện niềm tự hào dân tộc và niềm tin vào tương lai tất thắng của cuộc kháng chiến.

Truyện ngắn và kí là những thể loại mở đầu cho văn xuôi kháng chiến chống thực dân Pháp. Kí sự *Một lần tới Thủ đô*, *Trận phố Ràng* của Trần Đăng, truyện ngắn *Đôi mắt* và nhật kí *Ở rừng* của Nam Cao, truyện ngắn *Làng* của Kim Lân, *Thư nhà* của Hồ Phương,... là những tác phẩm tiêu biểu.

Từ năm 1950, đã bắt đầu xuất hiện những tập truyện, kí khá dày dặn. Đáng chú ý là các tác phẩm được tặng giải thưởng truyện – kí của Hội Văn nghệ Việt Nam năm 1951 – 1952 : *Vùng mỏ* của Võ Huy Tâm, *Xung kích* của Nguyễn Đình Thi, *Con trâu* của Nguyễn Văn Bổng, *Kí sự Cao Lạng* của Nguyễn Huy Tưởng và các tác phẩm được tặng giải Nhất trong giải thưởng truyện – kí năm 1954 – 1955 : *Đất nước đứng lên* của Nguyễn Ngọc, *Truyện Tây Bắc* của Tô Hoài.

Thơ những năm kháng chiến chống Pháp đạt được nhiều thành tựu xuất sắc. Tình yêu quê hương, đất nước, lòng căm thù giặc, ca ngợi cuộc kháng chiến và con người kháng chiến là những cảm hứng chính. Hình ảnh quê hương và những con người kháng chiến, từ anh vệ quốc quân, bà mẹ chiến sĩ, chị phụ nữ nông thôn đến em bé liên lạc, được thể hiện chân thực, gợi cảm. Một số nhà thơ có ý thức đổi mới thơ ca với những xu hướng khác nhau. Tố Hữu được xem là lá cờ đầu của nền thơ, đại diện cho xu hướng đại chúng hoá, hướng về dân tộc, khai thác những thể thơ truyền thống. Bên cạnh đó, Nguyễn Đình Thi tiêu biểu cho hướng tìm tòi, cách tân thơ ca, đưa ra một kiểu thơ hướng nội, tự do, không vần hoặc rất ít vần. Còn thơ Quang Dũng lại tiêu biểu cho hướng khai thác cảm hứng lãng mạn anh hùng. Những tác phẩm xuất sắc của thơ kháng chiến là *Cảnh khuya*, *Rằm tháng giêng* (Nguyễn tiêu) của Hồ Chí Minh, *Đèo Cả* của Hữu Loan, *Bên kia sông Đuống* của Hoàng Cầm,

Tây Tiến của Quang Dũng, *Nhớ* của Hồng Nguyên, *Đất nước* của Nguyễn Đình Thi, *Bao giờ trở lại* của Hoàng Trung Thông, *Động chí* của Chính Hữu và đặc biệt là tập thơ *Việt Bắc* của Tố Hữu,...

Một số vở kịch ra đời phản ánh hiện thực cách mạng và kháng chiến. *Bác Sơn*, *Những người ở lại* của Nguyễn Huy Tưởng, *Chị Hoà* của Học Phi là những vở được chú ý trong chặng đường này.

Lí luận, nghiên cứu, phê bình văn học từ năm 1945 đến năm 1954 chưa phát triển nhưng đã có một số sự kiện và tác phẩm có ý nghĩa quan trọng. Bản báo cáo *Chủ nghĩa Mác và vấn đề văn hoá Việt Nam* (1948) của Trường Chinh, Hội nghị tranh luận văn nghệ ở Việt Bắc (1949) có ý nghĩa định hướng cho văn học nghệ thuật. Bài tiểu luận *Nhận đường* và tập *Mấy vấn đề nghệ thuật* của Nguyễn Đình Thi, tập phê bình, tiểu luận *Nói chuyện thơ ca kháng chiến* và *Quyền sống con người trong "Truyện Kiều"* của Hoài Thanh, *Giảng văn "Chinh phụ ngâm"* của Đặng Thai Mai,... là những tác phẩm tiêu biểu.

b) *Chặng đường từ năm 1955 đến năm 1964*

Đây là chặng đường văn học trong những năm xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc và đấu tranh thống nhất đất nước. Văn học tập trung thể hiện hình ảnh người lao động, ngợi ca những đổi thay của đất nước và con người trong bước đầu xây dựng chủ nghĩa xã hội với cảm hứng lãng mạn, tràn đầy niềm vui và niềm lạc quan tin tưởng. Nhiều tác phẩm văn học đã thể hiện tình cảm sâu nặng với miền Nam ruột thịt, nói lên nỗi đau chia cắt và thể hiện ý chí thống nhất đất nước.

Văn xuôi mở rộng đề tài, bao quát được khá nhiều vấn đề và phạm vi của hiện thực đời sống. Nhiều tác phẩm viết về sự *đổi đời* của con người, miêu tả sự biến đổi số phận và tính cách nhân vật trong môi trường xã hội mới. Không ít tác phẩm đi theo hướng này đã thể hiện được khát vọng hạnh phúc của con người, có ý nghĩa nhân văn khá sâu sắc như *Đi bước nữa* của Nguyễn Thế Phương, *Mùa lạc* của Nguyễn Khải, *Anh Keng* của Nguyễn Kiên,... Một số tác phẩm tập trung khai thác đề tài kháng chiến chống Pháp, không chỉ ngợi ca chủ nghĩa anh hùng, tinh thần bất khuất mà còn phản ánh được phần nào những hi sinh gian khổ, những tổn thất và số phận của con người trong chiến tranh như tiểu thuyết *Sống mãi với Thủ đô* của Nguyễn Huy Tưởng, *Cao điểm cuối cùng* của Hữu Mai, *Trước giờ nổ súng* của Lê Khâm,...

Ngoài ra còn có những truyện ngắn, tiểu thuyết viết về hiện thực đời sống trước Cách mạng với cái nhìn, khả năng phân tích và sức khái quát mới :

Vợ nhặt của Kim Lân, *Tranh tối tranh sáng* của Nguyễn Công Hoan, *Mười năm* của Tô Hoài, *Phất* của Bùi Huy Phồn. Những bộ tiểu thuyết : *Vỡ bờ* (hai tập) của Nguyễn Đình Thi, *Cửa biển* (bốn tập) của Nguyễn Hồng đã dựng lên được khá rõ bức tranh hoành tráng của lịch sử cách mạng Việt Nam, phản ánh hiện thực đau thương và anh dũng của dân tộc từ thời kì Mặt trận Dân chủ đến Cách mạng tháng Tám năm 1945.

Công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc đã thu hút sự quan tâm chú ý của nhiều cây bút. Nhiều chuyến đi thực tế được tổ chức tạo điều kiện cho các nhà văn thâm nhập cuộc sống mới. *Sóng Đà* của Nguyễn Tuân, *Bốn năm sau* của Nguyễn Huy Tưởng, *Mùa lạc* của Nguyễn Khải, *Cái sân gạch* của Đào Vũ,... bước đầu khẳng định thành tựu của văn xuôi viết về đề tài xây dựng chủ nghĩa xã hội trên miền Bắc. Tuy nhiên, ở chặng đường này, vẫn còn nhiều tác phẩm thể hiện con người và cuộc sống một cách đơn giản, phẩm chất nghệ thuật còn non yếu.

Thơ từ năm 1955 đến năm 1964 phát triển mạnh mẽ. Sự hồi sinh của đất nước sau những năm tháng kháng chiến chống Pháp đầy hi sinh gian khổ, thành tựu bước đầu của công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội, sự hoà hợp giữa cái riêng với cái chung, nỗi đau chia cắt hai miền Nam - Bắc,... là những nguồn cảm hứng lớn của thơ ca. Nhiều tác phẩm thơ xuất sắc đã kết hợp hài hoà yếu tố hiện thực và yếu tố lãng mạn cách mạng. Thơ ca đã có được một mùa gặt bội thu với các tập *Gió lộng* của Tố Hữu, *Ánh sáng và phù sa* của Chế Lan Viên, *Riêng chung* của Xuân Diệu, *Đất nở hoa*, *Bài thơ cuộc đời* của Huy Cận, *Gửi miền Bắc*, *Tiếng sóng* của Tế Hanh, *Bài thơ Hắc Hải* của Nguyễn Đình Thi, *Những cánh bướm* của Hoàng Trung Thông,... Nỗi đau chia cắt đất nước, nỗi nhớ quê hương và khát vọng giải phóng miền Nam là nguồn cảm hứng của nhiều bài thơ đặc sắc của Tố Hữu, Tế Hanh, Nguyễn Bính. Ngay trên tuyến đầu chống Mĩ, đã sớm xuất hiện những bài thơ hay, xúc động về miền Nam yêu thương và anh dũng như *Mồ anh hoa nở* của Thanh Hải và *Quê hương* của Giang Nam.

Kịch nói cũng có một số tác phẩm được dư luận chú ý như *Một đảng viên* của Học Phi, *Ngọn lửa* của Nguyễn Vũ, *Quần* của Lộng Chương, *Chị Nhàn* và *Nổi gió* của Đào Hồng Cẩm,...

c) Chặng đường từ năm 1965 đến năm 1975

Văn học chặng đường này tập trung viết về cuộc kháng chiến chống đế quốc Mĩ. Chủ đề bao trùm là ca ngợi tinh thần yêu nước và chủ nghĩa anh hùng cách mạng.

Văn xuôi chặng đường này phản ánh cuộc sống chiến đấu và lao động, đã khắc họa khá thành công hình ảnh con người Việt Nam anh dũng, kiên cường, bất khuất. Từ tiền tuyến lớn, những tác phẩm truyện, kí viết trong máu lửa của chiến tranh đã phản ánh nhanh nhạy và kịp thời cuộc chiến đấu của quân dân miền Nam anh dũng. *Người mẹ cầm súng* của Nguyễn Thi, *Rừng xà nu* của Nguyễn Trung Thành, *Giấc mơ ông lão vườn chim*, *Hòn Đất* của Anh Đức, *Chiếc lược ngà* của Nguyễn Quang Sáng, *Rừng U Minh* của Trần Hiếu Minh, *Mẫn và tôi* của Phan Tứ,... đã tạo được sự hấp dẫn người đọc trong những năm chống Mĩ. Ở miền Bắc, truyện, kí cũng phát triển mạnh. Tiêu biểu là kí chống Mĩ của Nguyễn Tuân ; truyện ngắn của Nguyễn Thành Long, Nguyễn Kiên, Vũ Thị Thường, Đỗ Chu ; tiểu thuyết *Vùng trời* (ba tập) của Hữu Mai, *Cửa sông* và *Dấu chân người lính* của Nguyễn Minh Châu, *Chiến sĩ* của Nguyễn Khải, *Bão biển* (hai tập) của Chu Văn,...

Thơ những năm chống Mĩ cứu nước đạt được nhiều thành tựu xuất sắc, đánh dấu một bước tiến mới của nền thơ Việt Nam hiện đại. Thơ ca tập trung thể hiện cuộc ra quân vĩ đại của toàn dân tộc, khám phá sức mạnh của con người Việt Nam, nhận thức và đề cao sứ mệnh lịch sử, tâm vóc và ý nghĩa nhân loại của cuộc kháng chiến chống Mĩ. Thơ chặng đường này thể hiện rất rõ khuynh hướng mở rộng và đào sâu chất liệu hiện thực ; đồng thời tăng cường sức khái quát, chất suy tưởng, chính luận. Nhiều tập thơ có tiếng vang, tạo được sự lôi cuốn, hấp dẫn như *Ra trận*, *Máu và hoa* của Tố Hữu, *Hoa ngày thường – Chim báo bão* và *Những bài thơ đánh giặc* của Chế Lan Viên, *Hai đợt sóng*, *Tôi giàu đôi mắt* của Xuân Diệu, *Dòng sông trong xanh* của Nguyễn Đình Thi, *Đầu súng trăng treo* của Chính Hữu, *Cửa mở* của Việt Phương, *Vàng trăng quầng lửa* và *Thơ một chặng đường* của Phạm Tiến Duật, *Đất ngoại ô* và *Mặt đường khát vọng* của Nguyễn Khoa Điềm, *Gió Lào cát trắng* của Xuân Quỳnh, *Hương cây – Bếp lửa* của Lưu Quang Vũ và Bằng Việt, *Cát trắng* của Nguyễn Duy, *Góc sân và khoảng trời* của Trần Đăng Khoa,... Lịch sử thơ ca chặng đường này đặc biệt ghi nhận sự xuất hiện và những đóng góp của thế hệ các nhà thơ trẻ thời kì chống Mĩ cứu nước. Những tác giả đó phần lớn là những người trực tiếp cầm súng, vừa đánh giặc vừa làm thơ. Thơ của họ giàu những chi tiết chân thực của đời sống chiến trường, phản ánh được một phần cái ác liệt, những hi sinh, tổn thất trong chiến tranh, đặc biệt là đã dựng nên bức chân dung tinh thần của cả một thế hệ trẻ cầm súng “Cả thế hệ đàn hàng gánh đất nước trên vai” (Bằng Việt). Họ đã đem đến cho nền thơ Việt Nam hiện đại một tiếng thơ mới mẻ : trẻ trung, sôi nổi mà vẫn thấm đượm chất suy tư, triết luận. Đó là Phạm Tiến Duật, Nguyễn Khoa Điềm, Lê Anh Xuân, Lưu Quang Vũ,

Bằng Việt, Nguyễn Mỹ, Xuân Quỳnh, Thanh Thảo, Hữu Thịnh, Phan Thị Thanh Nhàn, Lâm Thị Mỹ Dạ, Nguyễn Đức Mậu, Nguyễn Duy, Hoàng Nhuận Cẩm, Trần Đăng Khoa,...

Kịch cũng có những thành tựu đáng ghi nhận. *Quê hương Việt Nam* và *Thời tiết ngày mai* của Xuân Trinh, *Đại đội trưởng của tôi* của Đào Hồng Cẩm, *Đôi mắt* của Vũ Dũng Minh,... là những vở tạo được tiếng vang lúc bấy giờ.

Chặng đường này, nhiều công trình nghiên cứu, lí luận, phê bình xuất hiện. Có giá trị hơn cả là những công trình của Đặng Thai Mai, Hoài Thanh, Xuân Diệu, Chế Lan Viên, Lê Đình Ky,...

*

* *

Nói đến văn học Việt Nam từ năm 1945 đến năm 1975 cũng cần phải lưu ý tới văn học vùng địch tạm chiếm, tức là văn học dưới chế độ thực dân (cũ hoặc mới). Cùng với cuộc đấu tranh cách mạng ở các vùng giải phóng, ở miền Nam, từ năm 1954 đến năm 1975, trong vùng địch chiếm đóng luôn luôn có phong trào đấu tranh của nhân dân dưới hình thức hợp pháp hoặc bất hợp pháp, theo khuynh hướng dân tộc, dân chủ. Đó là cơ sở xã hội để hình thành và phân hoá các xu hướng văn học khác nhau trong vùng địch tạm chiếm mà chủ yếu là ở đô thị miền Nam từ năm 1946 đến năm 1975.

Dưới chế độ Mĩ và chính quyền Sài Gòn, nhiều xu hướng văn học tiêu cực, phản động tồn tại đan xen nhau : xu hướng “chống cộng”, xu hướng đòi truy,... Nhưng bên cạnh đó vẫn có xu hướng văn học tiến bộ, yêu nước và cách mạng. Xu hướng văn học này tuy bị đàn áp nhưng vẫn tồn tại, có lúc phải tạm thời lảng xuống, tìm cách thể hiện nội dung tư tưởng một cách kín đáo, khi có điều kiện thuận lợi lại bùng lên mạnh mẽ với những tác phẩm chiến đấu trực diện với kẻ thù. Hình thức thể loại của những sáng tác này thường gọn nhẹ : thơ, truyện ngắn, phóng sự, bút kí. Nội dung tư tưởng nói chung đều nhằm phủ định chế độ bất công và tàn bạo ; lên án bọn cướp nước và bán nước ; thức tỉnh lòng yêu nước và ý thức dân tộc ; kêu gọi, cổ vũ các tầng lớp nhân dân, đặc biệt là thanh niên, tập hợp lực lượng xuống đường đấu tranh.

Mùa hè năm 1965, khi hơn nửa triệu quân viễn chinh Mĩ đổ vào miền Nam trực tiếp tiến hành chiến tranh cục bộ, thì tinh thần dân tộc của tầng lớp trí thức, văn nghệ sĩ được khơi dậy mạnh mẽ. Nhiều tổ chức văn hoá, xã hội được thành lập ở các thành phố, trong đó có Lực lượng bảo vệ văn hoá dân tộc ở Sài Gòn. Chính quyền Sài Gòn càng đàn áp thì xu hướng văn học tiến bộ,